TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TƠ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-10-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
của nam, nữ chung sống với nhau
như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Duy Huy;

2. Bà Đinh Thị Phương Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hoài Trinh-Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2018/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ D;

Địa chỉ cư trú: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Phú P;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi làm việc: Điện Lực B, địa chỉ trụ sở: Số 163, đường P, tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị D, anh P có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 24/7/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D trình bày:*

Tôi và anh P có tổ chức lễ cưới theo phong tục và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vả nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Quá trình sống chung tôi và anh P có 01 người con chung tên là Nguyễn Phú N, sinh ngày 23/12/2013 (hiện cháu N đang sống cùng tôi tại thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi), nếu ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi cháu N và anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000^{đ} (*một triệu đồng*) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung và không có nợ của tổ chức hay cá nhân nào bên ngoài, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Phú P trình bày:*

Về thời gian sống chung, không đăng ký kết theo quy định của pháp luật và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa tôi và chị D đúng như chị D đã trình bày ở trên. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với tôi thì tôi đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Tôi và chị D có một người con chung đúng như chị D đã trình bày. Tôi đồng ý giao cháu Nguyễn Phú N, sinh ngày 23/12/2013 cho chị D nuôi dưỡng và tôi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000^{đ} (*một triệu đồng*) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung và nợ chung.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 9; Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Mỹ D và anh Nguyễn Phú P.

- Về con chung*:* Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Lê Thị Mỹ D và anh Nguyễn Phú P về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung Nguyễn Phú N, sinh ngày 23/12/2013 cho chị Lê Thị Mỹ D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Nguyễn Phú P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000^{đ} (*một triệu đồng*) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ D, anh Nguyễn Phú P trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ D, anh Nguyễn Phú P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Phú P làm việc tại Điện lực B, địa chỉ trụ sở: Số 163, đường P, tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Mặc khác các đương sự có đơn tự thỏa thuận với nhau yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Nội dung vụ án:

[2] Xét thấy chị Lê Thị Mỹ D và anh Nguyễn Phú P có tổ chức lễ cưới theo phong tục và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cũng xác nhận chị D và anh P chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: " *Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*". Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Mỹ D và anh Nguyễn Phú P không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Hai người chị D và anh P có 01 người con chung là Nguyễn Phú N, sinh ngày 23/12/2013, tại phiên hòa giải ngày 21/9/2018 chị D có nguyện vọng được nuôi cháu N và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000^{đ} (*một triệu đồng*) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, anh P cũng đồng ý với yêu cầu của chị D, các bên đương sự đều yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị D và anh P về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu N cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Nguyễn Phú P phải đóng góp nuôi con với số tiền là 1.000.000^{đ}/tháng (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh P trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Ý kiến của kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh P chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Mỹ D và anh Nguyễn Phú P.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Lê Thị Mỹ D và anh Nguyễn Phú P về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Giao con chung Nguyễn Phú N, sinh ngày 23/12/2013 cho chị Lê Thị Mỹ D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Anh Nguyễn Phú P phải đóng góp nuôi con với chị Lê Thị Mỹ D số tiền là 1.000.000đ/tháng (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 10 năm 2018.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Nguyễn Phú P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí*:* Chị Lê Thị Mỹ D phải chịu số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền

300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 011418 ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Nguyễn Phú P chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- UBND xã B, huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Huy